

BỘ XÂY DỰNG**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2014/TT-BXD

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng và Cục trưởng Cục quản lý Hoạt động xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng, Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2013 Quy định Tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng, Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 8 năm 2013 Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình của Bộ Xây dựng,

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư có thể ủy quyền cho ban quản lý dự án trong trường hợp trực tiếp quản lý dự án hoặc tư vấn quản lý dự án trong trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án thực hiện một hoặc một số các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này, trừ nội dung phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 24 như sau:

“7. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình bao gồm chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng, chi phí thuê cá nhân (chuyên gia), chi phí thuê đơn vị sự nghiệp, tổ chức có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng trong trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều này. Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được quy định như sau:

a) Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo hướng dẫn về chế độ công tác phí của Bộ Tài chính gồm chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, chi phí ở và chi phí khác phục vụ cho công tác kiểm tra;

b) Chi phí thuê chuyên gia của cơ quan chuyên môn về xây dựng bao gồm chi phí đi lại, chi phí ở và công chuyên gia;

c) Chi phí thuê đơn vị sự nghiệp, tổ chức thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng và quy định của pháp luật về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

d) Cơ quan chuyên môn về xây dựng lập dự trù chi phí kiểm tra theo quy định hiện hành bao gồm chi phí quy định tại điểm a và điểm b Khoản này. Dự trù chi phí kiểm tra là cơ sở để chủ đầu tư thanh toán các chi phí thực tế của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình kiểm tra.”

3. Sửa đổi điểm a và điểm b khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Công thương kiểm tra đối với các công trình sau:

a) Công trình cấp I trở lên không phân biệt nguồn vốn thuộc các loại: đường dây tải điện và trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin, nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, nhà kho và tuyến đường ống (dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng), nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp;

b) Công trình cấp II, cấp III thuộc các loại: đường dây tải điện và trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin trong dự án đầu tư xây dựng do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định đầu tư;”

4. Sửa đổi điểm b khoản 6 Điều 25 như sau:

“b) Sở Công thương:

- Công trình cấp III, cấp II thuộc các loại: đường dây tải điện và trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin, trừ các công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

- Công trình cấp IV, cấp III, cấp II thuộc các loại: nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, nhà kho và tuyến đường ống (dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng), nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.”

5. Bổ sung khoản 10 Điều 25 như sau:

“10. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng không thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng đối với các công trình đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu.”

6. Sửa đổi, bổ sung quy định về việc sử dụng phân cấp công trình tại Phụ lục I

a) Sửa đổi khoản I.1.1.2. Nhà ở riêng lẻ thuộc mục **I.1.1 Nhà ở** trong **Bảng I.1 Phân cấp các loại công trình dân dụng** như sau:

Mã số	Loại công trình		Tiêu chí phân cấp	Cấp công trình				
				Đặc biệt	I	II	III	IV
I.1.1	Nhà ở	I.1.1.2. Nhà ở riêng lẻ (<i>nhà biệt thự không nhỏ hơn cấp III</i>)	Số tầng	-	-	> 7	≤ 7	-

b) Bổ sung điểm d khoản I.1.2.3. Công trình thể thao: sân vận động, nhà thi đấu, tập luyện và công trình thể thao khác thuộc mục **I.1.2 Công trình công cộng** trong **Bảng I.1 Phân cấp các loại công trình dân dụng** như sau:

Mã số	Loại công trình		Tiêu chí phân cấp	Cấp công trình				
				Đặc biệt	I	II	III	IV
I.1.2	Công trình công cộng	I.1.2.3. Công trình thể thao: sân vận động, nhà thi đấu, tập luyện và công trình thể thao khác						
		d) Công trình thể thao dưới nước (Công trình thể thao Quốc gia không nhỏ hơn cấp I)	Sức chứa (nghìn chỗ)	Bể bơi thi đấu đạt tiêu chuẩn quốc tế, sức chứa > 7.5	Bể bơi thi đấu, sức chứa 5 ÷ 7.5	Bể bơi thi đấu, sức chứa 2 ÷ < 5	Bể bơi thi đấu, sức chứa < 2	Bể bơi cho thể thao phong trào

c) Sửa đổi điểm d khoản I.1.2.5 Công trình thương mại và dịch vụ thuộc mục **I.1.2 Công trình công cộng** trong **Bảng I.1 Phân cấp các loại công trình dân dụng** như sau:

Mã số	Loại công trình		Tiêu chí phân cấp	Cấp công trình				
				Đặc biệt	I	II	III	IV
I.1.2	Công trình công cộng	I.1.2.3. Công trình thương mại và dịch vụ						
		d) Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình thương mại dịch vụ khác	Tổng diện tích kinh doanh (nghìn m ²)	-	> 3	0,5 ÷ 3	< 0,5	-

d) Sửa đổi điểm a khoản I.1.2.6 Công trình thông tin, truyền thông thuộc mục **I.1.2 Công trình công cộng** trong **Bảng I.1 Phân cấp các loại công trình dân dụng** như sau:

Mã số	Loại công trình		Tiêu chí phân cấp	Cấp công trình				
				Đặc biệt	I	II	III	IV
I.1.2	Công trình công cộng	I.1.2.6. Công trình thông tin, truyền thông						
		a) Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS	Chiều cao (m)	≥ 200	100 ÷ < 200	50 ÷ < 100	35 ÷ < 50	< 35

đ) Sửa đổi khoản II.1.5.1 Nhà máy (trung tâm) nhiệt điện thuộc mục **II.1.5 Công trình năng lượng** trong **Bảng II.1 Phân cấp các loại công trình công nghiệp thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính** như sau:

Mã số	Loại công trình		Tiêu chí phân cấp	Cấp công trình				
				Đặc biệt	I	II	III	IV
II.1.5	Công trình năng lượng	II.1.5.1 Nhà máy nhiệt điện	Tổng công suất (MW)	> 2000	600 ÷ 2000	50 ÷ < 600	5 ÷ < 50	< 5

e) Sửa đổi khoản II.1.5.11 Đường dây và trạm biến áp thuộc mục **II.1.5 Công trình năng lượng** trong **Bảng II.1 Phân cấp các loại công trình công nghiệp thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính** như sau:

Mã số	Loại công trình		Tiêu chí phân cấp	Cấp công trình				
				Đặc biệt	I	II	III	IV
II.1.5	Công trình năng lượng	II.1.5.11 Đường dây và trạm biến áp	Điện áp (kV)	≥ 500	220	110	-	< 110